



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG Á**  
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VỤ BẢN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vụ Bản đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **Công ty**

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vụ Bản (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Vụ Bản được chuyển đổi theo Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định, Công ty hoạt động theo Giấy Đăng ký kinh doanh số 0600343778 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 02/01/2009, thay đổi lần thứ 2 ngày 31 tháng 10 năm 2023.

Trụ sở Công ty tại thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

### **Ban Lãnh đạo**

Các thành viên Ban Lãnh đạo đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Lãnh đạo</b>	Ông Nguyễn Hữu Ý	Chủ tịch Công ty
	Ông Trần Đăng Lạp	Giám đốc
	Ông Ngô Việt Dũng	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Kế toán trưởng

### **Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Số: 60/2024/AEA-TC

### **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vụ Bản

**Kính gửi: Ban Lãnh đạo**

**Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vụ Bản**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vụ Bản (gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 21 kèm theo.

#### **Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Lãnh đạo tại trang 2 và 3, Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Công việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến và giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Công việc này chỉ được thực hiện khi tiến hành thủ tục kiểm toán đặc thù và chi tiết hơn áp dụng riêng cho công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình hoàn thành.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Chúng tôi không thể tham gia quan sát kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2023 do được bổ nhiệm làm Kiểm toán viên sau ngày này, chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác làm cơ sở đưa ra ý kiến về số dư của các khoản mục này, cũng như ảnh hưởng của nó (nếu có) tới các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2023 trên Báo cáo tài chính của Công ty là 512 triệu đồng, là số tiền đã chi trả cho các dự án do Công ty làm chủ đầu tư từ những năm trước nhưng không được cấp vốn.
- Như trình bày tại thuyết minh trang 12, Công ty không trích khấu hao các Tài sản cố định là Nhà cửa vật kiến trúc; Máy móc thiết bị phục vụ dịch vụ công ích thủy lợi và Quyền sử dụng đất có thời hạn vào chi phí.
- Như trình bày tại thuyết minh trang 13, Công ty chưa thực hiện phân bổ chi phí trả trước là giá trị các nhà trạm, bể hút xả và thiết bị trạm bơm nhận bàn giao từ các Hợp tác xã theo chứng thư thẩm định giá số 09/CTTĐG-VA ngày 25 tháng 08 năm 2015, giá trị phân bổ vào chi phí trong năm 2023 ước tính khoảng 615 triệu đồng và giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 là 0 đồng (nếu thực hiện phân bổ chi phí trong thời gian 3 năm).
- Tại ngày 31/12/2023 chỉ tiêu "Vốn góp của chủ sở hữu" trên Báo cáo tài chính là 411.816.494.309 đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 31 tháng 10 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 379.149.451.326 đồng, Công ty chưa làm thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh ghi nhận sự thay đổi này.

### Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề hạn chế đã nêu trong phần cơ sở ý kiến ngoại trừ, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vụ Bản tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Văn Vụ  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Giấy Chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
 số 0638-2023-043-1  
 Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG Á**  
 Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Thị Lan  
 Kiểm toán viên  
 Giấy Chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
 số 1685-2023-043-1

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	MS	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7.375.192.059</b>	<b>9.347.876.584</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>6.628.700.976</b>	<b>2.666.280.137</b>
1. Tiền	111		6.628.700.976	2.666.280.137
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>522.233.230</b>	<b>6.367.488.031</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	-	5.842.033.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	512.212.097	512.212.097
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.021.133	13.242.934
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>224.257.853</b>	<b>314.108.416</b>
1. Hàng tồn kho	141		224.257.853	314.108.416
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>511.852.140.661</b>	<b>499.466.529.896</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>415.490.390.094</b>	<b>401.070.919.429</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	415.321.287.955	400.901.817.290
- Nguyên giá	222		481.809.656.708	467.129.629.908
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.488.368.753)	(66.227.812.618)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	169.102.139	169.102.139
- Nguyên giá	228		577.189.065	577.189.065
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(408.086.926)	(408.086.926)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>94.423.598.498</b>	<b>96.531.985.698</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	94.423.598.498	96.531.985.698
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.938.152.069</b>	<b>1.863.624.769</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.938.152.069	1.863.624.769
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>519.227.332.720</b>	<b>508.814.406.480</b>

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	MS	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.976.004.713</b>	<b>4.313.078.473</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.367.580.713</b>	<b>4.201.426.473</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	1.757.600.260	3.592.982.652
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	52.528.193	25.333.918
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		557.452.260	583.109.903
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.608.424.000</b>	<b>111.652.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.10	10.608.424.000	111.652.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>506.251.328.007</b>	<b>504.501.328.007</b>
(400 = 410+430)				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.11</b>	<b>506.251.328.007</b>	<b>504.501.328.007</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		411.816.494.309	405.902.825.326
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	2.163.668.983
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.500.000	14.500.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		94.420.333.698	96.420.333.698
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>519.227.332.720</b>	<b>508.814.406.480</b>
(440 = 300+400)				

Người lập biểu

Trần Thủy Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Hưng

Nam Định, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Chủ tịch Công ty



Nguyễn Hữu Ý

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	28.827.576.000	29.191.033.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		28.827.576.000	29.191.033.000
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	26.225.569.402	26.460.479.659
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>2.602.006.598</b>	<b>2.730.553.341</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	433.555.484	293.402.274
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.16	2.884.137.545	2.847.102.369
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>151.424.537</b>	<b>176.853.246</b>
11. Thu nhập khác	31	5.17	74.090.909	46.581.818
12. Chi phí khác	32	5.17	18.000.000	18.000.000
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	5.17	<b>56.090.909</b>	<b>28.581.818</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>207.515.446</b>	<b>205.435.064</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	41.503.089	41.087.013
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>166.012.357</b>	<b>164.348.051</b>

Người lập biểu

Trần Thủy Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Hưng

Nam Định, ngày 28 tháng 3 năm 2024  
Chủ tịch Công ty



Nguyễn Hữu Ý



Mẫu B 03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	207.515.446	205.435.064
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	260.556.135	277.908.149
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(433.555.484)	(293.402.274)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	34.516.097	189.940.939
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.845.254.801	(5.596.933.007)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	89.850.563	25.574.489
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.841.868.993)	1.732.207.446
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(74.527.300)	67.439.200
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.087.013)	(58.319.593)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.980.000	2.980.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(194.650.000)	(67.035.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.850.468.155	(3.704.145.526)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(321.602.800)	(73.600.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	433.555.484	293.402.274
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	111.952.684	219.802.274
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (*)	31	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.962.420.839	(3.484.343.252)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.666.280.137	6.150.623.389
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.628.700.976	2.666.280.137

Nam Định, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Công ty



Trần Thủy Huyền

Nguyễn Ngọc Hưng

Nguyễn Hữu Ý

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vụ Bản (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Vụ Bản được chuyển đổi theo Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định, Công ty hoạt động theo Giấy Đăng ký kinh doanh số 0600343778 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 02/01/2009, thay đổi lần thứ 2 ngày 31 tháng 10 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 379.149.451.326 đồng (Ba trăm bảy mươi chín tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty tại thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Quản lý, vận hành hệ thống thủy nông tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các thành phần kinh tế khác;
- Lập bổ sung quy hoạch hệ thống và dự toán công trình nhóm B + C;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế và giám sát thi công các công trình thủy lợi, cơ điện, giao thông và xây dựng dân dụng;
- Thi công xây dựng và sửa chữa các công trình thủy lợi, giao thông, cấp thoát nước, san lấp mặt bằng;
- Sửa chữa, lắp đặt động cơ và máy bơm, gia công cơ khí;
- Mua bán đồ gỗ và trang trí nội thất;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thủy lợi, vật tư nông nghiệp, bê tông đúc sẵn.

Hoạt động chính của công ty trong năm 2023 là Quản lý, vận hành, khai thác hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu nước, xây dựng, tu bổ, sửa chữa các công trình thủy lợi.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

**Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

**Tương đương tiền**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung và các chi phí mua, chi phí chế biến, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Nguyên giá tài sản cố định được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến việc hình thành tài sản cố định và đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định là các công trình trạm bơm, các kênh tưới, kênh tiêu và các công trình nhận bàn giao từ các Hợp tác xã được ghi nhận nguyên giá theo chứng thư thẩm định giá số 09/CTTĐG-VA ngày 25 tháng 08 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh. Công ty chưa thực hiện trích khấu hao hoặc phân bổ vào chi phí kể từ khi ghi nhận tăng tài sản cố định.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế trên Bảng cân đối kế toán.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

**Thời gian trích khấu hao**

**Số năm**

Nhà cửa, vật kiến trúc	không trích khấu hao
Máy móc thiết bị	không trích khấu hao
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Một số tài sản của công ty nằm trong danh mục tài sản cố định của Công ty Khai thác công trình thủy lợi không phải trích khấu hao theo quy định tại thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

- o Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới tiêu nước;
- o Máy bơm nước từ 8.000 m<sup>3</sup>/ giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

Công ty không trích khấu hao các tài sản cố định là Nhà cửa vật kiến trúc và Máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp hoạt động công ích thủy lợi theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm quản lý thủy lợi phí.

Tài sản cố định vô hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế trên Bảng cân đối kế toán.

**Thời gian trích khấu hao**

**Số năm**

Phần mềm máy tính	không trích khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	không trích khấu hao

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các công cụ dụng cụ được phân ảnh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Chi phí trả trước là các nhà, trạm, bể hút xả và thiết bị trạm bơm nhận bàn giao từ các Hợp tác xã theo chứng thư thẩm định giá số 09/CTTĐG-VA ngày 25 tháng 08 năm 2015 với giá trị 1.845.746.769 đồng Công ty chưa thực hiện phân bổ vào chi phí.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, trong đó bao gồm “Dự án cải tạo, nâng cấp Trạm bơm Để thuộc hệ thống tưới nông Vụ Bản, tỉnh Nam Định”, dự án này được phê duyệt theo Quyết định số 2294/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định với tổng mức đầu tư 83,94 tỷ đồng; nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung Ương và các nguồn vốn hợp pháp khác. Ngày 25 tháng 10 năm 2012, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 1724/QĐ-UBND phê duyệt tăng tổng mức đầu tư lên 106.205 tỷ đồng.

**Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận được phân phối cho các Quý do Chủ tịch Công ty quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là số vốn đã được cấp theo kế hoạch cho các Dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu của hoạt động công ích tưới tiêu nước, được ghi nhận theo số thực tế ngân sách Nhà nước cấp về cho Công ty.

Lãi tiền gửi được ghi nhận theo thông báo của ngân hàng, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán hoặc thực hiện trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	604.061.316	916.597.161
Tiền gửi ngân hàng	6.024.639.660	1.749.682.976
<b>Tổng</b>	<b>6.628.700.976</b>	<b>2.666.280.137</b>

## 5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng	512.212.097	512.212.097
<b>Tổng</b>	<b>512.212.097</b>	<b>512.212.097</b>

## 5.3 Phải thu khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	10.000.000	-	10.000.000	-
Ông Trần Trung Duyên	5.000.000	-	5.000.000	-
Ông Triệu Huy Hùng	5.000.000	-	5.000.000	-
Các khoản phải thu khác	21.133	-	3.242.934	-
<b>Tổng</b>	<b>10.021.133</b>	<b>-</b>	<b>13.242.934</b>	<b>-</b>

## 5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	218.269.853	-	308.120.416	-
Công cụ, dụng cụ	5.988.000	-	5.988.000	-
<b>Tổng</b>	<b>224.257.853</b>	<b>-</b>	<b>314.108.416</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VỤ BÀN**

Thị trấn Gó, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÀU B 09-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

**5.5 Tài sản cố định hữu hình**

NGUỒN GIÁ	Số dư tại 01/01/2023	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị tính: VND
Tăng trong năm	460.276.373.723	1.970.474.665	4.372.183.870	510.597.650	467.129.629.908		
Mua trong năm	14.631.442.800	-	48.584.000	-	14.680.026.800		
XDCB hoàn thành	273.018.800	-	48.584.000	-	321.602.800		
Giảm trong năm	14.358.424.000	-	-	-	14.358.424.000		
Số dư tại 31/12/2023	474.907.816.523	1.970.474.665	4.420.767.870	510.597.650	481.809.656.708		
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư tại 01/01/2023	62.995.354.102	987.269.205	1.807.426.838	437.762.473	66.227.812.618		
Tăng trong năm	-	-	251.352.135	9.204.000	260.556.135		
Khấu hao trong năm	-	-	251.352.135	9.204.000	260.556.135		
Giảm trong năm	-	-	-	-	-		
Số dư tại 31/12/2023	62.995.354.102	987.269.205	2.058.778.973	446.966.473	66.488.368.753		
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 01/01/2023	397.281.019.621	983.205.460	2.564.757.032	72.835.177	400.901.817.290		
Tại ngày 31/12/2023	411.912.462.421	983.205.460	2.361.988.897	63.631.177	415.321.287.955		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.6 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tín học	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2023	336.189.065	241.000.000	577.189.065
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	<u>336.189.065</u>	<u>241.000.000</u>	<u>577.189.065</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2023	167.086.926	241.000.000	408.086.926
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	<u>167.086.926</u>	<u>241.000.000</u>	<u>408.086.926</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2023	169.102.139	-	169.102.139
Tại ngày 31/12/2023	<u>169.102.139</u>	<u>-</u>	<u>169.102.139</u>

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án Cải tạo nâng cấp trạm bơm Đé (i)	94.420.333.698	94.420.333.698
Dự án Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu S35	-	2.111.652.000
Các dự án khác	3.264.800	-
<b>Tổng</b>	<u>94.423.598.498</u>	<u>96.531.985.698</u>

- (i) Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đé thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Dự án này được phê duyệt theo Quyết định số 2294/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định, với tổng mức đầu tư 83,94 tỷ đồng; nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung Ương và các nguồn hợp pháp khác. Ngày 25 tháng 10 năm 2012, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 1724/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư lên 106,205 tỷ đồng.

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	92.405.400	17.878.000
Giá trị nhà, trạm, bể hút xả và thiết bị trạm bơm nhận bàn giao từ các HTX	1.845.746.669	1.845.746.769
<b>Tổng</b>	<u>1.938.152.069</u>	<u>1.863.624.769</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

5.9 Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.757.600.260</b>	<b>1.757.600.260</b>	<b>3.592.982.652</b>	<b>3.592.982.652</b>
Công ty Cổ phần xây lắp và bê tông Nam Định	1.684.919.454	1.684.919.454	2.864.158.754	2.864.158.754
Công ty CP xây dựng và đầu tư Đông Phương	-	-	598.436.000	598.436.000
Các đối tượng khác	72.680.806	72.680.806	130.387.898	130.387.898
<b>Dài hạn</b>	<b>10.608.424.000</b>	<b>10.608.424.000</b>	<b>111.652.000</b>	<b>111.652.000</b>
Công ty cổ phần xây dựng Xuân Nghiêm	8.997.537.000	8.997.537.000	111.652.000	111.652.000
Công ty CP tư vấn thiết kế Đông Á	450.803.000	450.803.000	-	-
Công ty cổ phần NADECO	470.498.000	470.498.000	-	-
Công ty TNHH tư vấn giám sát công trình và thương mại Xuân Hoa	323.142.000	323.142.000	-	-
Ban Quản lý Dự án Nạo vét kênh S35	297.329.000	297.329.000	-	-
Các đối tượng khác	69.115.000	69.115.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>12.366.024.260</b>	<b>12.366.024.260</b>	<b>3.704.634.652</b>	<b>3.704.634.652</b>

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	854.091	7.409.091	7.409.091	854.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.236.893	41.503.089	11.087.013	51.652.969
Thuế thu nhập cá nhân	3.242.934	21.133	3.242.934	21.133
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	65.043.930	65.043.930	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>25.333.918</b>	<b>116.977.243</b>	<b>89.782.968</b>	<b>52.528.193</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KINH THƯƠNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VỤ BÀN**

Thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

**5.11 Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XD CB	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	405.902.825.326	1.000.000.000	14.500.000	-	42.465.223.910	449.382.549.236
Tăng trong năm	-	1.163.668.983	-	164.348.051	53.955.109.788	55.283.126.822
Tăng vốn trong năm	-	1.163.668.983	-	-	53.955.109.788	55.118.778.771
Lãi trong năm	-	-	-	164.348.051	-	164.348.051
Giảm trong năm	-	-	-	164.348.051	-	164.348.051
Trích lập các quỹ	-	-	-	164.348.051	-	164.348.051
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>405.902.825.326</b>	<b>2.163.668.983</b>	<b>14.500.000</b>	<b>-</b>	<b>96.420.333.698</b>	<b>504.501.328.007</b>
Số dư tại 01/01/2023	405.902.825.326	2.163.668.983	14.500.000	-	96.420.333.698	504.501.328.007
Tăng trong kỳ	5.913.668.983	-	-	166.012.357	1.750.000.000	7.829.681.340
Tăng vốn trong năm	5.913.668.983	-	-	-	1.750.000.000	7.663.668.983
Lãi trong năm	-	-	-	166.012.357	-	166.012.357
Giảm trong kỳ	-	2.163.668.983	-	166.012.357	3.750.000.000	6.079.681.340
Điều chuyển các quỹ	-	2.163.668.983	-	-	3.750.000.000	5.913.668.983
Trích lập các quỹ	-	-	-	166.012.357	-	166.012.357
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>411.816.494.309</b>	<b>-</b>	<b>14.500.000</b>	<b>-</b>	<b>94.420.333.698</b>	<b>506.251.328.007</b>

- Vốn góp của chủ sở hữu tăng trong năm bao gồm nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản được cấp cho Dự án S35 đã hoàn thành trong năm với số tiền 3,75 tỷ đồng và phần điều chuyển vốn khác của chủ sở hữu (là giá trị phần vốn phân bổ vốn cho dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đồng Lạc từ nguồn thù lợi phí tương ứng với phần vốn được cấp thiếu).

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (Xem thuyết minh 5.7).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

5.12 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích	28.827.576.000	29.191.033.000
<b>Tổng</b>	<b>28.827.576.000</b>	<b>29.191.033.000</b>

5.13 Giá vốn

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của dịch vụ công ích	26.225.569.402	26.460.479.659
<b>Tổng</b>	<b>26.225.569.402</b>	<b>26.460.479.659</b>

5.14 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	433.555.484	293.402.274
<b>Tổng</b>	<b>433.555.484</b>	<b>293.402.274</b>

5.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.344.266.971	2.309.513.255
Chi phí đồ dùng văn phòng	29.350.100	48.094.600
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.204.000	12.072.149
Thuế phí và lệ phí	68.043.930	68.043.930
Chi phí bằng tiền khác	433.272.544	409.378.435
<b>Tổng</b>	<b>2.884.137.545</b>	<b>2.847.102.369</b>

5.16 Thu nhập khác- Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>74.090.909</b>	<b>46.581.818</b>
Thu từ cho thuê mặt bằng	38.181.818	38.181.818
Thu thanh lý vật tư	35.909.091	-
Thù lao Kiểm soát viên nộp thừa được hoàn lại	-	8.400.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>18.000.000</b>	<b>18.000.000</b>
Chi phí liên quan đến cho thuê mặt bằng	18.000.000	18.000.000
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>56.090.909</b>	<b>28.581.818</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

## 5.17 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	207.515.446	205.435.064
Thu nhập chịu thuế	207.515.446	205.435.064
Thuế suất hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>41.503.089</b>	<b>41.087.013</b>

## 5.18 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.030.100
Chi phí nhân công	16.451.388.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	260.556.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.272.153.672
Chi phí khác bằng tiền	7.087.843.064
<b>Tổng</b>	<b>29.112.971.747</b>

## 6. THÔNG TIN KHÁC

## 6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

## 6.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Trần Thủy Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Hưng

Nam Định, ngày 28 tháng 3 năm 2024  
Chủ tịch Công ty

Nguyễn Hữu Ý